

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 189/2026/DS-PT
Ngày 06 - 3 - 2026
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Minh Nguyệt

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Hải Hà
Ông Bùi Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thúy An - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Màu - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 642/2025/TLPT-DS ngày 04 tháng 12 năm 2025 về việc “Tranh chấp ranh giới giữa các bất động sản liền kề”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 315/2025/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Cbị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 65/2026/QĐ-PT ngày 09 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thuý H, sinh năm 1970; CCCD số: 09617000****, cấp ngày 05/10/2022; Địa chỉ: Khóm 7, xã S, tỉnh C; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Văn V, sinh năm 1967; địa chỉ: Khóm 7, xã T, tỉnh C; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 09 tháng 8 năm 2024, có mặt).

- Bị đơn:

1. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1982; CCCD số: 096182015***; Địa chỉ: Khóm 7, xã S, tỉnh C (có mặt).

2. Ông Trương Hớn Đ, sinh năm 1981; CCCD số: 096082002***; Địa chỉ: Khóm 7, xã S, tỉnh C (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Huỳnh Tấn A, Luật sư của Văn phòng Luật sư H, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trương Anh T, sinh năm 2004; Địa chỉ: Khóm 7, xã S, tỉnh C (vắng mặt).

2. Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam; Địa chỉ: Tháp BIDV số 35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng: Ông Tô Thanh Liêm – Là Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Cà Mau – Phòng giao dịch Sông Đốc; địa chỉ: Khóm 10, xã S, tỉnh C; là người đại diện theo ủy quyền (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Nguyễn Thúy H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 9 năm 2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, nguyên đơn bà Nguyễn Thuý H; người đại diện theo uỷ quyền ông Trần Văn Vẹn thống nhất trình bày:

Nguồn gốc phần đất của bà Nguyễn Thúy H là của ông Nguyễn Quốc Anh. Ngày 16/11/2017, ông Nguyễn Quốc Anh tặng cho bà Nguyễn Thị Kim Mỹ. Ngày 06/02/2018, bà Mỹ tặng cho bà Nguyễn Thúy Hằng. Bà Nguyễn Thúy Hằng Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Trần Văn Thời điều chỉnh chỉnh lý biên độ ngày 06/02/2018 đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 432712, thuộc thửa số 26, tờ bản đồ số 05, diện tích 59,8 m² loại đất ở đô thị, đất tọa lạc tại khóm 7, thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau (nay là ấp 7, xã S, tỉnh C) đứng tên Nguyễn Quốc Anh sang cho bà Nguyễn Thúy Hằng. Diện tích đất bà H được cấp quyền sử dụng đúng với vị trí, số thửa, diện tích đất mà ông Anh đã được cấp giấy chứng nhận trước đó. Năm 2012, bà H xây dựng nhà trên phần đất này nhưng có chừa lại phần đất tiếp giáp bị đơn có chiều ngang 0,15m, chiều dài theo chiều dài đất là 12,7m để làm không gian cho đường thoát nước nhà bà H. Sau khi xây dựng nhà xong, gia đình bà H ở ổn định. Năm 2024, ông Trương Hớn Đ, bà Nguyễn Thị L nhận chuyển nhượng đất của ông Huỳnh Công Lập, bà Trần Kim Quý phần đất nằm tiếp giáp đất bà H. Quá trình đo đạc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đ, bà L thì bà H có chỉ ranh giới trên thực địa đúng với vị trí phần đất bà còn chừa lại nêu trên, thống nhất ký tên biên bản đo vẽ đối với hộ giáp ranh. Trong quá trình sử dụng đất, bà H phát hiện phía ông Đ, bà L xây dựng nhà lấn sang phần đất mà bà H đã chừa ra làm đường thoát nước này chiều ngang 0,15m x chiều dài 12,7m. Tuy nhiên, tại phiên toà sơ thẩm, bà H xác định diện tích tranh chấp được thể hiện trong kết quả đo vẽ tương ứng với vị trí xây dựng bức tường nhà của bị đơn với diện tích xác định thực tế là 0,8m², bà H có yêu cầu vợ chồng ông Đ, bà L tháo dỡ bức tường xây lấn để trả lại phần đất ranh đã lấn chiếm này nhưng bị đơn không đồng ý. Vụ việc đã được Ủy ban nhân dân thị trấn Sông Đốc tiến hành hòa giải nhưng không thành. Nay bà H yêu cầu vợ chồng ông Đ, bà L có trách nhiệm tháo dỡ công trình xây dựng là bức tường nhà của bị đơn trả lại cho bà H phần đất lấn chiếm theo đo vẽ thực tế là 0,8m².

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày: Năm 2024, vợ chồng bà L, ông Đ có nhận chuyển nhượng của ông Huỳnh Công Lập, bà Trần Kim Quý phần đất thuộc thửa số 307, tờ bản đồ số 39 diện tích 68,2m², ông bà được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Trần Văn Thời cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DO693182 ngày 19 tháng 6 năm 2024 tọa lạc khóm 7, thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nay là ấp 7, xã S, tỉnh C đứng tên Trương Hón Đ, Nguyễn Thị L. Sau khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, vợ chồng bà tiến hành xây dựng nhà cơ bản đúng với diện tích được cấp giấy chứng nhận, nhà đã xây xong. Nay bị đơn không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Thống nhất với kết quả đo vẽ, định giá đã được thực hiện.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 315/2025/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 3 - C đã quyết định:

Không chấp nhận phần yêu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thuý H về việc buộc ông Trương Hón Đ, bà Nguyễn Thị L trả diện tích đất 0,8 m² tọa lạc tại ấp 7, xã S, tỉnh C (tại vị trí M8-M9-M16-M17 trên Mảnh trích đo chỉnh lý thửa đất ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Công ty TNHH MTV Tài nguyên – Môi trường Dâng Phong).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 10 tháng 10 năm 2025, nguyên đơn bà Nguyễn Thuý H kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày: Đề nghị cấp phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn, giữ y bản án sơ thẩm.

Quan điểm Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên tòa:

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 315/2025/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm; sau khi nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thuý H khởi kiện ông Trương Hón Đ, bà Nguyễn Thị L đòi trả lại phần đất giáp ranh giữa hai bên nhưng ông Đ, bà L không đồng ý; ông Đ, bà L cư trú tại xã S, tỉnh C, đối tượng tranh chấp là phần đất tọa lạc tại xã S, tỉnh C nên Tòa án nhân dân Khu vực 3 - C thụ lý, giải quyết vụ án “tranh chấp ranh giới giữa các bất động sản liền kề” là đúng quan hệ tranh chấp và đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn nộp trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau thụ lý và giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm là phù hợp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Phần đất tranh chấp giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thuý H với bị đơn bà Nguyễn Thị L, ông Trương Hón Đ là ranh giới giữa các bất động sản liền kề của bà H với bà L, ông Đ, theo đo đạc thực tế đất tranh chấp có diện tích 0,8m², tọa lạc tại ấp 7, xã S, tỉnh C, có tứ cận:

- Hướng Bắc giáp phần đất của ông Nguyễn Văn Liệt từ điểm M8M9M10M11M12M13M14M3;
- Hướng Nam giáp phần đất của ông Đặng Hoàng Lực từ điểm M7M20M19M18M17M16M15M3;
- Hướng Đông giáp phần đất của ông Trần Minh Mọi tại điểm M3;
- Hướng Tây giáp Kênh 4 Thước từ điểm M7M8.

Hiện nay trên phần đất tranh chấp là bức tường nhà của bà L, ông Đ. Nguyên đơn cho rằng toàn bộ phần đất 0,8m² tranh chấp thuộc quyền sử dụng của nguyên đơn đã bị bà L, ông Đ lấn chiếm nên yêu cầu ông Đ, bà L có trách nhiệm tháo dỡ công trình xây dựng là bức tường nhà của ông Đ, bà L trả lại cho bà H phần đất lấn chiếm theo đo vẽ thực tế là 0,8m²; ông Đ, bà L khẳng định nhận chuyển nhượng và đã được cấp Giấy chứng nhận đối với diện tích đất nhận chuyển nhượng hợp pháp, xây dựng nhà đúng với diện tích đất được quyền sử dụng, không lấn chiếm đất của bà H nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.2] Xét nguồn gốc phần đất của hai bên đương sự, phần đất của bà H có nguồn gốc từ việc nhận tặng cho của bà Nguyễn Thị Kim Mỹ đối với thửa đất số 26, tờ bản đồ số 05, diện tích 59,8 m² loại đất ở đô thị, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 432712, ngày 06/02/2018 bà H được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Trần Văn Thời điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên sang cho bà H, về vị trí, diện tích phần đất cấp quyền sử dụng cho bà H không có biến động thay đổi so với vị trí, diện tích phần đất cấp quyền sử dụng cho

bà Nguyễn Thị Kim Mỹ. Nguồn gốc phần đất của ông Đ, bà L có nguồn gốc từ việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông Huỳnh Công Lập, bà Trần Kim Quý, đến ngày 19/6/2024 ông Đ, bà L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 307, tờ bản đồ số 39, diện tích 68,2m² giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DO 693182, về vị trí, diện tích phần đất cấp quyền sử dụng cho ông Đ, bà L cũng không có biến động thay đổi so với vị trí, diện tích phần đất cấp quyền sử dụng cho ông Lập, bà Quý. Do đó, đủ căn cứ xác định đất của bà H và đất của ông Đ, bà L đều đã được công nhận quyền sử dụng hợp pháp. Đây là các tình tiết, sự kiện được các bên đương sự thống nhất thừa nhận, phù hợp với thực tế khách quan nên không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.3] Xét thấy, tuy các đương sự đều cho rằng các phần đất đều được nhận tặng cho hoặc chuyển nhượng hợp pháp và sử dụng đất đúng với diện tích, kích thước của chủ sử dụng đất trước đây nhưng căn cứ kết quả đo đạc thực tế được thể hiện trong Mảnh đo đạc chính lý thửa đất của cơ quan chuyên môn cho thấy, phần đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 432712, thuộc thửa số 26, tờ bản đồ số 05, diện tích 59,8 m² hiện do bà H đứng tên giấy chứng nhận có vị trí tọa độ không nằm ở vị trí đất đang tranh chấp, trong khi phần đất thuộc thửa số 307, tờ bản đồ số 39 diện tích 68,2m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DO693182 ngày 19 tháng 6 năm 2024 cấp cho vợ chồng ông Đ, bà L có vị trí nằm trùng lập 0,5m² với vị trí đất tranh chấp, phần diện tích 0,3m² còn lại xác định không nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các đương sự và chưa được cấp giấy chứng nhận. Như vậy, do các bên đương sự đều thống nhất thừa nhận việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho các bên đều hợp pháp, đúng trình tự và không có khiếu nại gì về việc cấp giấy chứng nhận nêu trên nên cấp sơ thẩm căn cứ diện tích phần đất được thể hiện trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của mỗi bên để làm cơ sở xem xét giải quyết và xác định phần diện tích 0,5m² trong tổng diện tích 0,8m² tranh chấp thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bị đơn do đã được công nhận quyền sử dụng đất là có căn cứ.

[2.4] Thực tế, sau khi ông Đ, bà L xây dựng nhà thì bà H, ông Đ, bà L đã quản lý, sử dụng các bất động sản (các căn nhà) liên tục, ổn định đến nay, phần diện tích đất tranh chấp 0,8m² không làm ảnh hưởng đến công năng sử dụng bất động sản (nhà) của bà H.

[3] Xét kháng cáo của bà H yêu cầu chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà: Xét thấy, bà H cho rằng phần đất tranh chấp nằm ngoài bức tường nhà của bà H là do khi xây dựng nhà bà có chủ động chừa lại phần đất nằm tiếp giáp với bị đơn. Tại cấp phúc thẩm bà H cung cấp xác nhận của ông Huỳnh Công Lập cho rằng ông Lập đã tư vấn cho bà H chừa 01 phần đất khi xây dựng nhà đúng theo ý kiến của bà H. Tuy nhiên, việc ông Huỳnh Công Lập xác nhận nội dung này không làm thay đổi bản chất vụ việc, bởi lẽ, như đã phân tích tại mục [2.3] của bản án, vị trí phần

đất tranh chấp không nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà H nên bà H không có quyền sử dụng hợp pháp, căn nhà bà H xây dựng hiện tại đã đứng với vị trí tọa độ thửa đất bà H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngoài ra, nguyên đơn bà H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh bị đơn ông Đ, bà L có hành vi lấn chiếm quyền sử dụng đất của bà H. Do đó, cấp sơ thẩm xác định nguyên đơn khởi kiện không có căn cứ, không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là đúng quy định, đã xem xét đánh giá chứng cứ đầy đủ, khách quan, toàn diện và áp dụng đúng các quy định pháp luật, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

[4] Xét ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 315/2025/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Cà Mau, như đã phân tích trên, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

[5] Án phí phúc thẩm: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà H phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

[6] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thuý H; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 315/2025/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Cà Mau.

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 235, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 175, 176 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 166 Luật Đất đai năm 2014;

Căn cứ Điều 26, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận phần yêu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thuý H về việc buộc ông Trương Hón Đ, bà Nguyễn Thị L trả diện tích đất 0,8 m² tọa lạc tại ấp 7, xã S, tỉnh C (tại vị trí M8-M9-M16-M17 trên Mảnh trích đo chỉnh lý thửa

đất ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Công ty TNHH MTV Tài nguyên – Môi trường Dâng Phong).

2. Về chi phí tố tụng:

Buộc nguyên đơn bà Nguyễn Thuý H phải chịu số tiền 11.737.000 (mười một triệu bảy trăm ba mươi bảy nghìn) đồng. Bà H đã nộp xong.

Buộc bị đơn ông Trương Hón Đ, bà Nguyễn Thị L phải chịu số tiền 31.960.000 đồng (ba mươi một triệu chín trăm sáu mươi nghìn) đồng. Ông Đ bà L đã nộp xong.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thuý H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được đối trừ số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005616 ngày 02 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 3 – Cà Mau).

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Buộc bà Nguyễn Thuý H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Ngày 10/10/2025, bà Nguyễn Thuý H đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001428 của cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau, được chuyển thu án phí toàn bộ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa PT TATC tại Tp. HCM (01 bản);
- VKSND tỉnh Cà Mau (02 bản);
- TAND Khu vực 3 – Cà Mau (01 bản);
- Phòng THADS Khu vực 3 – Cà Mau (01 bản);
- Các đương sự;
- Lưu HS, Tổ HCTP (01 bản).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Minh Nguyệt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Hải Hà

Bùi Anh Tuấn

Châu Minh Nguyệt